



## Giáo dục:

### Một số kết quả ban đầu từ khảo sát CTNC

### “Những cuộc đời trẻ thơ” năm 2016 (vòng 5) tại Việt Nam

Bản thông tin tóm tắt này giới thiệu các kết quả từ vòng điều tra thứ 5 của chương trình khảo sát “Những cuộc đời trẻ thơ” tại Việt Nam năm 2016. Chương trình nghiên cứu (CTNC) “Những cuộc đời trẻ thơ” theo dõi hai nhóm trẻ sinh cách nhau 7 năm. Bản thông tin đưa ra một số chỉ số giáo dục quan trọng đối với nhóm trẻ 15 tuổi năm 2016 (nhóm trẻ Thiên niên kỷ) và so sánh với số liệu ghi nhận đối với nhóm trẻ 15 tuổi từ năm 2009 (nhóm trẻ sinh năm 1994-95) để thể hiện sự thay đổi và tiến bộ trong bối cảnh giáo dục của trẻ trong giai đoạn này.

Khi 8 tuổi, hầu hết trẻ em, nam và nữ, đều đi học, và phần lớn học đúng lớp so với tuổi. Tuy nhiên, ngay từ những bậc học đầu tiên, đã ghi nhận thấy tỷ lệ đi học thấp hơn của nhóm trẻ em dân tộc thiểu số, và khoảng cách này tiếp tục gia tăng nhất là trong giai đoạn tuổi từ 12 đến 15 tuổi. Sự chênh lệch này cũng khá rõ khi xét về kết quả học tập ở các bậc học cao hơn. Ở tuổi 12 và tuổi 15, ghi nhận có sự bất bình đẳng mang tính liên tục giữa các nhóm trẻ đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ dân tộc Kinh về tỷ lệ nhập học, tình trạng đi học quá tuổi và kết quả làm bài kiểm tra nhận thức. Nghiên cứu cũng chỉ ra sự chênh lệch giữa nhóm trẻ có cha mẹ không có trình độ học vấn hoặc ít học, so với nhóm trẻ có cha mẹ có nhiều năm đi học.

Nhìn chung, khi xét cùng một độ tuổi, nhóm trẻ Thiên niên kỷ có thành tích tốt hơn so với nhóm trẻ của bảy năm về trước về tỷ lệ học đúng lớp so với tuổi, và có kết quả kiểm tra cao hơn ở những câu kiểm tra môn Toán chung cho hai nhóm trẻ. Nhưng ngược lại với quan niệm cũ rằng nam học tốt hơn nữ, kết quả chỉ ra rằng học sinh nữ thể hiện kết quả học tập tốt hơn các học sinh nam. Tuy nhiên, dù điều tra đã có xét cả đến sự tiến bộ của những trẻ có hoàn cảnh khó khăn, nhưng sự khác biệt về trình độ giáo dục của nhóm yếu thế và nhóm có điều kiện tốt hơn vẫn tiếp tục tồn tại và còn ở mức độ khá rõ rệt.

#### Kết quả chính

- Tỷ lệ nhập học giảm dần khi trẻ lớn lên. Trong giai đoạn trẻ từ 12 đến 15 tuổi, tỷ lệ nhập học giảm từ 97% xuống còn 80%, với mức giảm rõ rệt nhất ghi nhận ở nhóm trẻ có người chăm sóc chính không được đi học (từ 86% xuống còn 55%).
- Xét về bậc học và kết quả kiểm tra nhận thức, số liệu chỉ ra sự khác biệt lớn nhất giữa nhóm trẻ có người chăm sóc chính không được đi học và nhóm có người chăm sóc chính đã hoàn thành ít nhất bậc trung học cơ sở trở lên.
- Ở tuổi 15, tỷ lệ nữ còn đi học cao hơn so với nam (84% so với 76%). Ở tuổi này, số học sinh nữ quá tuổi so với bậc học cũng ít hơn, và các em có kết quả kiểm tra Toán cao hơn nhiều so với học sinh nam.
- Sự chênh lệch giữa các nhóm dân tộc vẫn tiếp diễn ở một số kết quả học tập khác, như bậc học hoàn thành và kết quả kiểm tra nhận thức. Ở tuổi 15, trung bình, bậc học hoàn thành của trẻ dân tộc thiểu số thấp hơn 1 lớp so với trẻ dân tộc Kinh, và điểm số kiểm tra Toán và từ vựng của các em cũng thấp hơn so với các bạn dân tộc Kinh cùng lứa.
- Nhìn chung, nhóm trẻ Thiên niên kỷ có kết quả tốt hơn hoặc tương đương với nhóm trẻ sinh trước 7 năm ở tất cả các kết quả học tập được đánh giá. Nhóm trẻ Thiên niên kỷ vượt trội hơn nhóm trẻ sinh năm 1994-95 ở tỷ lệ nhập học theo đúng độ tuổi và về kết quả kiểm tra nhận thức, tuy rằng không ghi nhận thấy có sự tiến bộ ở bậc học hoàn thành cao nhất khi trẻ 15 tuổi.

## Chính sách giáo dục ở Việt Nam

Khi đất nước vẫn còn là một trong số các quốc gia nghèo nhất thế giới, Glewwe (2004) đã chỉ ra rằng “thành tích Việt Nam đạt được trong sự nghiệp giáo dục cao hơn rất nhiều so với các nước thu nhập thấp khác”. Trong một thời gian dài, gia đình và Nhà nước đã rất nỗ lực đầu tư vào giáo dục (GSRV, 2016). Mặc dù vậy, Chính phủ nhận thấy có nguy cơ bị tụt hậu, điều này có thể sẽ làm tăng khoảng cách về kinh tế và kỹ năng giữa Việt Nam với các nước trong khu vực.

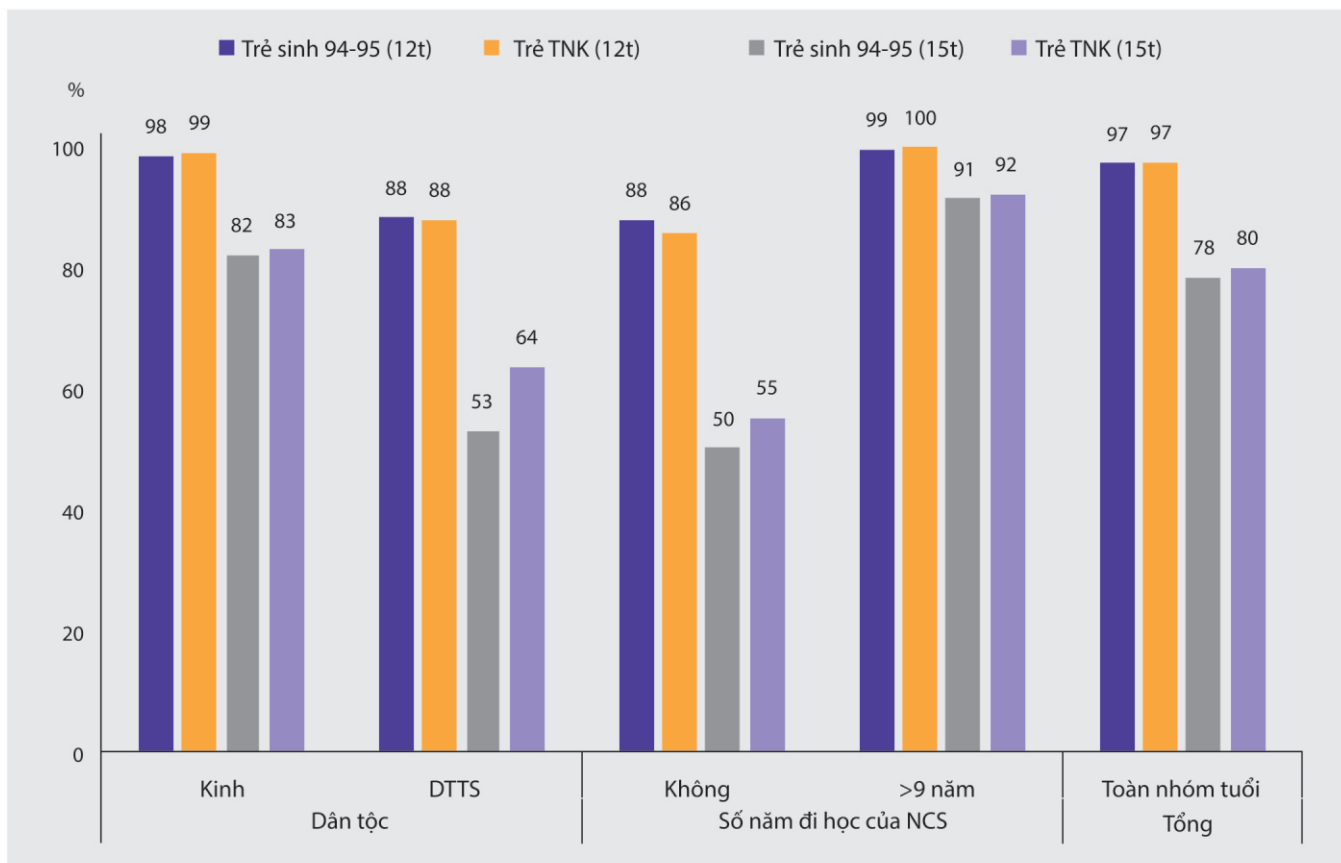
Một số chính sách đã được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng của hệ thống giáo dục. Năm 2007, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định số 55 về tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu của trường tiểu học<sup>1</sup>. Năm 2009, Bộ Tài chính đã áp dụng quy định về mức 20% chi tiêu ngân sách dành cho giáo dục. Sau quyết định đưa ra hồi tháng 11/2014 của Quốc hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo mới đây cũng đã bắt tay vào chuẩn bị triển khai chương trình cải cách giáo dục dự kiến thực hiện từ năm 2018, với mục tiêu nâng cao hiệu quả trường học trong việc đào tạo năng lực/kỹ năng của học sinh. Ở một khía cạnh khác, ngành giáo dục tư nhân của Việt Nam vẫn có ít chuyển biến, và đến năm 2015, giáo dục tư nhân chỉ chiếm một phần rất nhỏ trên tổng số trường học ở Việt Nam.

## Tỷ lệ nhập học và chuyển tiếp lên các lớp

**Nhập học:** Theo Luật Giáo dục năm 1998, trẻ em bắt đầu đi học chính thức vào tháng 9 trong năm các em tròn 6 tuổi. Số liệu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” cho thấy trên thực tế, trẻ của cả hai nhóm tuổi bắt đầu đi học trung bình lúc 6,1 tuổi. Tuy nhiên, tuổi bắt đầu đi học trung bình này không thể hiện một số khác biệt giữa hai nhóm trẻ: trong nhóm trẻ Thiên niên kỷ các em với người chăm sóc chính chưa bao giờ đi học và trẻ đồng bào dân tộc thiểu số bắt đầu đi học sớm hơn các nhóm trẻ tương ứng của 7 năm về trước (Bảng 1). Vào thời điểm 8 tuổi, khi tỷ lệ nhập học của nhóm trẻ nhỏ đã gần đạt mức phổ cập (99%), tỷ lệ tương ứng đối với trẻ đồng bào dân tộc thiểu số chỉ là 92%. Giữa năm 12 và 15 tuổi, tỷ lệ nhập học suy giảm đáng kể đối với cả hai nhóm trẻ.

Trong khi tỷ lệ nhập học khá đồng đều, số liệu cũng cho thấy sự khác biệt lớn dần giữa các nhóm trẻ qua thời gian. Trong nhóm trẻ Thiên niên kỷ, tỷ lệ nhập học giảm trong khoảng từ 8 đến 12 tuổi, và còn tiếp tục giảm mạnh từ 12 đến 15 tuổi. Điều này có thể phần nào được lý giải bởi điều kiện để được nhận vào các trường trung học phổ thông công lập yêu cầu học sinh phải trải qua một kỳ thi đầu vào (Lê và Nguyễn 2016). Giữa năm 12 và 15 tuổi, tỷ lệ nhập học giảm mạnh nhất đối với nhóm trẻ có người chăm sóc chính chưa bao giờ đi học; khoảng cách chênh lệch về tỷ lệ nhập học giữa trẻ có người chăm sóc chính không đi học và trẻ có người chăm sóc chính đi học từ 9 năm trở lên là 37 điểm phần trăm. Tương tự, tỷ lệ trẻ 15 tuổi là dân tộc thiểu số không đi học cũng cao hơn. Tuy nhiên, cũng chính các nhóm trẻ này đã có sự tiến bộ rõ nhất về tỷ lệ nhập học, so với nhóm tương ứng cùng độ tuổi năm 2009 (Hình 1).

**Hình 1.** Tỷ lệ nhập học vào lúc 12 và 15 tuổi, của cả hai nhóm trẻ



1 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007)

**Bậc học hoàn thành:** số liệu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” về quá trình học tập cho phép phân tích tình hình học tập và quá trình lên lớp của các em khi còn trên ghế nhà trường, đồng thời đánh giá các trường hợp trẻ bị quá tuổi so với lớp (các trường hợp trẻ đang theo học ở lớp thấp hơn quy định so với tuổi của các em) vì các lý do học lớp 1 muộn so với tuổi, bị đúp, hoặc do sự kết hợp của cả hai yếu tố. Số liệu của Chương trình cho thấy nhóm trẻ Thiên niên kỷ có sự tiến bộ trong học tập tốt hơn nhóm trẻ của 7 năm trước đó. Năm 2016, 10% nhóm trẻ 15 tuổi bị quá tuổi so với lớp, trong khi tỷ lệ này là 21% đối với nhóm trẻ 15 tuổi năm 2009. Vì cả hai nhóm trẻ đều bắt đầu đi học ở cùng độ tuổi, nhưng tỷ lệ trẻ quá tuổi so với lớp của nhóm trẻ Thiên niên kỷ lại thấp hơn, điều này có nghĩa là số trường hợp bị học lại lớp ít hơn ở nhóm trẻ Thiên niên kỷ, và hầu hết các em học đúng lớp so với tuổi.

Trong nhóm trẻ Thiên niên kỷ, học sinh nữ học lên lớp tốt hơn so với học sinh nam 15 tuổi. Một số điểm khác biệt trong lớp trẻ 15 tuổi gồm có sự khác biệt giữa nhóm trẻ là đồng bào dân tộc thiểu số (35% quá tuổi so với lớp, so với chỉ 7% đối với trẻ dân tộc Kinh), và nhóm trẻ có người chăm sóc chính không được đi học (43% quá tuổi, so với chỉ 5% nhóm trẻ có người chăm sóc chính đã hoàn thành ít nhất bậc trung học cơ sở).

Xét về bậc học, trẻ thuộc các nhóm yếu thế thường học ở lớp thấp hơn so với tuổi. Cụ thể, trong số trẻ 15 tuổi của nhóm trẻ Thiên niên kỷ, trẻ có người chăm sóc chính không được đi học, trẻ dân tộc thiểu số và trẻ của các gia đình nghèo nhất<sup>2</sup> đang học dưới một lớp so với trẻ dân tộc Kinh, trẻ có người chăm sóc chính đã hoàn thành tiểu học, và trẻ của các gia đình có điều kiện kinh tế cao nhất<sup>3</sup>. Đối với toàn mẫu điều tra, bậc học hoàn thành trung bình của nhóm trẻ 15 tuổi năm 2016 đạt 8,2, tương đương với bậc học trung bình của nhóm trẻ 15 tuổi năm 2009.

## Kết quả học tập

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” thu thập thông tin về kết quả học tập qua các bài kiểm tra từ vựng và Toán. Trong số trẻ 15 tuổi đã trả lời cả 3 câu hỏi Toán mang tính so sánh giữa hai nhóm, học sinh nữ đạt kết quả tốt hơn học sinh nam (điểm khác biệt lần lượt là 3 và 6 điểm phần trăm cho năm 2016 và 2009). Không ghi nhận thấy có sự khác biệt đáng kể về kết quả kiểm tra từ vựng giữa học sinh nam và nữ. Ở cả hai bài kiểm tra, sự chênh lệch lớn nhất được ghi nhận giữa trẻ đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ dân tộc Kinh (lần lượt là 19 và 12 điểm phần trăm khác biệt trong điểm số trung bình của hai bài kiểm tra Toán và từ vựng), và giữa nhóm trẻ có người chăm sóc chính không được đi học và trẻ có người chăm sóc chính đã hoàn thành trung học cơ sở (lần lượt là 26 và 15 điểm phần trăm khác biệt trong điểm số trung bình của hai bài kiểm tra Toán và từ vựng). Một điểm cần đặc biệt chú ý là điểm số kiểm tra của

trẻ có người chăm sóc chính có 1-4 năm đi học cũng có sự chênh lệch lớn so với điểm kiểm tra của trẻ có người chăm sóc chính không được đi học (11 điểm phần trăm khác biệt ở điểm kiểm tra trung bình môn Toán) (Bảng 1).

Năm 2009 và 2016, năng lực của trẻ 15 tuổi ở môn Toán được đánh giá ở 3 câu hỏi mang tính so sánh: (1) phép chia cho hai chữ số, (2) đọc biểu đồ, và (3) giải bài toán 4. Các kết quả cho thấy các em đều có sự tiến bộ chung; trẻ 15 tuổi năm 2016 (38%) có tỷ lệ trả lời đúng cả 3 câu hỏi cao hơn so với trẻ 15 tuổi năm 2009 (35%). Tương tự, số câu hỏi trả lời đúng của nhóm trẻ Thiên niên kỷ năm 2016 tăng so với nhóm 15 tuổi năm 2009. Trình độ học vấn của người chăm sóc chính được ghi nhận là có quan hệ mật thiết đến điểm số kiểm tra của trẻ: 51% trẻ có người chăm sóc chính đã hoàn thành từ trung học cơ sở trở lên đã trả lời đúng cả 3 câu hỏi năm 2016, so với chỉ 16% trẻ có người chăm sóc chính không có trình độ học vấn. Sự tiến bộ lớn nhất được ghi nhận ở hai câu hỏi đầu tiên so với câu hỏi về giải quyết vấn đề mà 49% trẻ trả lời đúng ở cả hai năm 2009 và 2016. Đối với câu hỏi này, trẻ sinh sống ở các gia đình có điều kiện khá giả nhất và trẻ sống ở các đô thị có kết quả cao nhất, với tỷ lệ trả lời đúng lần lượt là 60% và 64% năm 2016.

## Kết luận

Nhóm trẻ Thiên niên kỷ 15 tuổi có kết quả tốt hơn so với nhóm trẻ 15 tuổi của 7 năm trước về tình trạng học đúng lớp so với tuổi, và có kết quả kiểm tra tốt hơn. Một số bằng chứng cho thấy học sinh nữ có tỷ lệ nhập học và kết quả kiểm tra Toán tốt hơn học sinh nam. Xét về điều kiện kinh tế - xã hội, tình công bằng trong cơ hội tiếp cận giáo dục trong những năm đầu đi học giảm dần theo thời gian, khi trẻ xuất thân từ các nhóm kinh tế - xã hội khác nhau đạt đến bậc học trung học phổ thông (15 tuổi). Nhóm trẻ yếu thế, bao gồm trẻ là dân tộc thiểu số, trẻ xuất thân từ các gia đình nghèo và trẻ có người chăm sóc chính không được đi học hoặc ít học, đều có kết quả thấp hơn ở hầu hết tất cả các chỉ số giáo dục. Khoảng cách chênh lệch giữa các nhóm trẻ yếu thế và trẻ có hoàn cảnh tốt hơn đã được rút ngắn ở một số lĩnh vực, như ở tỷ lệ nhập học và học sinh quá tuổi, tuy rằng khoảng cách tồn tại vẫn còn khá lớn. Các chương trình cải cách giáo dục đang trong quá trình được xây dựng hiện nay cần tập trung hơn nữa vào các nhóm trẻ là đồng bào dân tộc thiểu số và trẻ có người chăm sóc chính không được đi học, nhằm bảo vệ các nhóm trẻ này khỏi tiếp tục bị bỏ lại phía sau, kéo theo đó là khả năng truyền bất bình đẳng và đói nghèo từ thế hệ này sang thế hệ sau.

2 Nhóm tam phân vị thấp nhất của chỉ số giàu

3 Nhóm tam phân vị cao nhất của chỉ số giàu.

4 Vì lý do toàn bộ bài kiểm tra Toán thực hiện năm 2009 và 2016 đối với nhóm trẻ 15 tuổi không được xây dựng hoàn toàn giống nhau, nên nhóm nghiên cứu đã lựa chọn ra 3 câu hỏi Toán tương đồng ở hai bài kiểm tra để có thể so sánh kết quả kiểm tra của trẻ ở hai thời điểm khác nhau. Kết quả của toàn bài kiểm tra cũng được giới thiệu trong bảng 1, nhưng chỉ có kết quả của nhóm trẻ nhỏ.

**Bảng 1. Học tập và kết quả học tập của trẻ 15 tuổi tại Việt Nam**

	Tuổi bắt đầu đi học của mỗi nhóm trẻ		Tỷ lệ nhập học của trẻ (%)		Bậc học hoàn thành trung bình		Tỷ lệ trẻ học thêm (%)		Tỷ lệ trẻ quá tuổi so với lớp (%)		Tỷ lệ trẻ trả lời đúng cả 3 câu hỏi Toán (%)		Số câu hỏi trả lời đúng TB (/3 câu)		Điểm số TB bài KT Toán 31 câu (%)	Điểm số TB bài KT từ vựng (%)
	Sinh 94-95	Sinh '01-02	2009	2016	2009	2016	2009	2016	2009	2016	2009	2016	2009	2016	2016	2016
<b>Giới tính</b>																
Nam	6,1	6,1	75,4	76,4	8,1	8,1	70,1	66,8	24,6	11,9	31,9	36,7	1,9	2,0	45,7	78,3
Nữ	6,1	6,0	80,9	83,7	8,3	8,3	79,8	67,4	18,7	8,8	37,8	39,7	2,0	2,1	48,7	78,6
<b>Dân tộc</b>																
Kinh	6,0	6,0	82,0	82,7	8,3	8,4	79,2	70,7	18,5	7,0	37,8	41,5	2,0	2,1	49,7	80,1
Dân tộc thiểu số	6,4	6,2	52,9	63,5	7,2	7,1	34,5	39,0	52,9	35,4	15,7	16,4	1,4	1,5	30,7	67,9
<b>Số năm đi học của người chăm sóc chính</b>																
Không đi học	6,7	6,3	50,0	55,2	7,0	6,6	23,1	24,1	65,6	43,1	11,7	16,3	1,2	1,4	29,1	66,9
1–4 năm	6,1	6,1	63,3	69,5	7,9	7,7	62,4	53,1	33,0	14,2	22,8	27,7	1,7	1,8	40,1	76,8
5–8 năm	6,0	6,0	78,5	78,9	8,3	8,3	69,1	68,4	25,0	8,7	32,8	34,6	1,9	2,0	46,0	79,2
9+ năm	6,0	6,0	91,2	92,0	8,5	8,8	89,7	77,4	11,0	4,9	47,1	50,6	2,2	2,3	55,6	81,6
<b>Nhóm tam phân vị của chỉ số giàu hộ gia đình</b>																
Thấp nhất	6,2	6,1	61,6	65,9	7,6	7,5	46,7	55,4	31,3	18,5	23,9	25,1	1,7	1,7	38,6	74,4
Trung bình	6,0	6,0	82,4	81,7	8,4	8,4	75,6	67,0	21,2	7,8	32,0	37,6	1,9	2,1	48,0	79,7
Cao nhất	6,0	6,0	90,7	92,2	8,6	8,7	94,7	75,5	14,9	5,9	49,1	50,6	2,2	2,3	54,9	81,3
<b>Khu vực</b>																
Đô thị	6,0	6,0	89,9	91,9	8,4	8,6	88,7	74,5	14,9	6,8	43,9	54,3	2,1	2,3	57,1	79,1
Nông thôn	6,1	6,1	75,7	77,3	8,1	8,1	71,9	65,1	23,0	11,4	33,0	34,3	1,9	2,0	44,5	78,3
<b>Toàn mẫu</b>	<b>6,1</b>	<b>6,1</b>	<b>78,3</b>	<b>79,9</b>	<b>8,2</b>	<b>8,2</b>	<b>75,4</b>	<b>67,1</b>	<b>21,3</b>	<b>10,3</b>	<b>35,0</b>	<b>38,2</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>	<b>47,2</b>	<b>78,5</b>
<b>Số trẻ</b>	<b>827</b>	<b>1.879</b>	<b>815</b>	<b>1.889</b>	<b>638</b>	<b>1.510</b>	<b>638</b>	<b>1.510</b>	<b>629</b>	<b>1.524</b>	<b>808</b>	<b>1.745</b>	<b>808</b>	<b>1.745</b>	<b>1.760</b>	<b>1.866</b>

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Glewwe, Paul (2004) 'An Investigation of the Determinants of Schol Progress and Academic Achievement in Viet Nam' in Glewwe, P., Agrawal, N., and D. Dollar (eds.) *Economic Growth, Poverty, and Household Welfare in Viet Nam*, Washington, DC: World Bank.

Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam (GSRV) (2016) *Tài chính giáo dục tại Việt Nam, 2009–2013*, Hà Nội: GSRV.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) (2007). Quyết định số 55/2007/QĐ-BGD&ĐT <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Quyết-dinh-55-2007-QĐ-BGDĐT-quy-dinh-muc-chat-luong-toi-thieu-truong-tieu-hoc-56409.aspx>

Bộ Giáo dục và Đào tạo (MOET) (2014). *Báo cáo đánh giá quốc gia Giáo dục dành cho mọi người tại Việt Nam 2015*. Hà Nội.

Lê Thúc Dục và Nguyễn Thị Thu Hằng (2016) *Inequality in Education Opportunity and Outcomes: Evidence from Young Lives Data in Viet Nam*, Oxford: Young Lives.

**LỜI CẢM ƠN**

Bản thông tin tóm tắt này giới thiệu một số kết quả chính ghi nhận sau vòng thứ 5 của khảo sát trẻ em và hộ gia đình trong khuôn khổ CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” được thực hiện tại Việt Nam năm 2016. Bản thông tin này được soạn thảo bởi nhóm tác giả gồm Patricia Espinoza, Liza Benny, Lê Thúc Dục và Nguyễn Thị Thu Hằng. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự hỗ trợ của bà Hồ Thị Kim Nhung từ Tổng cục Thống kê và ông Nguyễn Văn Tiến từ Trung tâm Phân tích và Dự báo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam. Đặc biệt, chúng tôi muốn gửi lời cảm ơn đến các bạn trẻ cùng gia đình các em đã sẵn lòng tham gia vào mẫu nghiên cứu của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” và trả lời các câu hỏi nghiên cứu của Chương trình.

Những quan điểm thể hiện trong bản tóm tắt này là của các tác giả, không nhất thiết thể hiện quan điểm của, hay phê duyệt bởi, CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”, Đại học Oxford, DFFID hay các nhà tài trợ khác.

Bản quyền ảnh thuộc về CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”. Các hình ảnh sử dụng trong các ấn phẩm của chương trình là ảnh của thanh thiếu niên có hoàn cảnh sinh sống giống với thanh thiếu niên tham gia trong mẫu điều tra của CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ”.

CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” là một chương trình nghiên cứu quốc tế về nghèo trẻ em, theo dõi cuộc sống của 12.000 trẻ em tại bốn quốc gia (Ethiopia, Ấn Độ, Peru và Việt Nam). CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” tại Việt Nam có trụ sở tại Trung tâm Phân tích và Dự báo (CAF) thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, phối hợp thực hiện với Tổng Cục Thống kê Việt Nam (GSO) và trường Đại học Oxford (Vương quốc Anh)



CTNC “Những cuộc đời trẻ thơ” được tài trợ chính bởi Bộ Phát triển quốc tế Vương quốc Anh.